TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.
- *Các hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Đăng Trung, bà Lê Thị Thu Hoài.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa:*** Ông bà Võ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST – DS, ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Thanh T, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố a, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Anh Mai Xuân H, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Mai Xuân H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/8/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông, hôn nhân của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, trong cuộc sống hôn nhân chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn với nhau vào tháng 9 năm 2015, nguyên nhân do chị T và anh H bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau, anh H không có trách nhiệm

với vợ con. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là giữa chị T với bố mẹ anh H (anh H và chị T sống chung với bố mẹ anh H), mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh H biết những mâu thuẫn giữa chị T với bố mẹ chồng nhưng anh H lại đứng về phía bố mẹ chồng, không biết phân xử đúng sai mà còn tạo áp lực cho chị T, không có hòa giải giữa chị T và bố mẹ chồng mà cứ để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bản thân anh H là người nhu nhược không bảo vệ được vợ con, không có chính kiến.

Khi chị T mang thai thì sức khỏe của chị T yếu, anh H không quan tâm lo lắng và không tạo điều kiện cho chị T. Ngoài ra gia đình chồng biết chị mang thai 03 tháng, sức khỏe chị yếu, bắt chị đi làm và tạo áp lực cho chị T, bố mẹ chồng chửi bới và đánh đập chị nên chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ ngày 09/4/2016 cho đến nay, từ khi sống ly thân anh H không quan tâm đến vợ và con, không có trách nhiệm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T xin được ly hôn với anh H.

Chị T và anh H có một con chung, cháu tên Mai Đức Th, sinh ngày 24/10/2016. Hiện cháu Th đang ở với chị T.

Trong thời gian sống chung, chị T và anh H không có tài sản chung, không vay mượn tài sản, không yêu cầu giải quyết.

Nay chị T xin được ly hôn với anh H, xin được nuôi cháu Th. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 01 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Tài sản chung và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Theo lời trình bày của bị đơn anh Mai Xuân H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: chị T trình bày về việc kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ và sống chung với bố mẹ chồng là hoàn toàn đúng sự thật. Nên anh H không trình bày thêm.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn: giữa anh H và chị T không có mẫu thuẫn lớn, chỉ mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình. Chỉ có mâu thuẫn giữa chị T và bố mẹ anh H, anh H biết mâu thuẫn giữa bố mẹ mình với chị T, nhưng anh H không có phương án để dung hòa, hòa giải những mâu thuẫn này mà anh H mặc kệ, dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và bố mẹ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đỉnh điểm của mâu thuẫn giữa bố mẹ chồng với chị T là chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó dẫn đến chị T và anh H sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Khi chị T có thai và sinh con, anh H vẫn thường xuyên thăm vợ con, nhưng gia đình chị T ngăn cản nên anh không đến. Anh H vẫn còn thương yêu chị T và không đồng ý ly hôn với chị T.

Trong trường hợp, anh H và chị T ly hôn thì anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Th và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T nuôi cháu Th thì anh H cấp dưỡng nuôi cháu Th 01 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu 18 tuổi theo yêu cầu của chị H.

Tài sản chung và công nợ không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến: về mặt tố tụng tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn với anh H, giao cháu Th cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về luật tố tụng: Hội đồng xét xử nhận định, đây là vụ án *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình",* bị đơn là anh Mai Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên áp dụng các Điều 51, 56; 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thanh T và anh Mai Xuân H đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2015, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do và không bị ai ép buộc. Như vậy, hôn nhân của anh H và chị T là hợp pháp.

[4] Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì chị T và anh H phải thật sự yêu thương và sống vì nhau, xây dựng gia đình hoà thuận hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh H đã bộc lộ những cá tính trái ngược nhau; sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau. Từ những mâu thuẫn đó dẫn đến anh chị không còn thương yêu, không quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, sống chỉ biết bổn phận của mình. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H càng trầm trọng, sống lạnh nhạt và không có trách nhiệm với nhau. Ngoài ra, giữa chị T và bên gia đình nhà chồng (bố, mẹ anh H) thường xuyền có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày (anh H và chị T sống chung với bố mẹ anh H), mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và không thể hòa giải được.

[5] Qua xác minh tại ban tự quản thôn Đ, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông: giữa chị T và anh H không xảy ra mâu thuẫn. Giữa chị T với bố mẹ anh H có mâu thuẫn hay không, ban tự quản không biết và không nắm được thông tin. Nếu có thì đó là mâu thuẫn trong nội bộ gia đình.

[6] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, anh H và chị T thừa nhận, giữa Chị T và anh H có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Tuy nhiên, Chị T và anh H sống chung với bố mẹ anh H nên giữa chị T với bố mẹ anh H phát sinh mâu thuẫn, anh H không tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn, bên nào đúng, bên nào sai, anh không thể hiện được vai trò của một người chồng ngược lại anh H còn tạo áp lực cho chị T. Anh H không có phương án để dung hòa, hòa giải mâu thuẫn giữa bố mẹ anh H với chị T mà để mặc nhiên những mâu thuẫn này và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đỉnh điểm của những mâu thuẫn này là chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và anh H cũng để mặc chị T bỏ đi, anh H không có động thái níu kéo và hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng với chị T. Đặc biệt, khi về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị T đang mang thai và đến khi sinh nở thì anh H cũng bỏ mặc chị T và không có trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 4/2016 cho đến ngày xét xử, anh H và chị T đã sống ly thân hơn một năm. Chị T và anh H sống hai nơi khác nhau, không còn liên lạc với nhau, không còn tình cảm với nhau, không quan tâm đến nhau, sống thờ ơ và không có trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh H không thể hiện trách nhiệm của người chồng, người cha mà bỏ mặc chị T và cháu Th tự sống với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không thể níu kéo và không đạt được mục đích. Do đó, cần giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, hạnh phúc gia đình không có.

[7] Tại phiên tòa, chị T thừa nhận, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không muốn tiếp tục chung sống với anh H và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H là có cơ sở.

[8] Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con, điều này thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Nhận thấy cháu Mai Đức Th, sinh ngày 24/10/2016, dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc trực tiếp của chị T sẽ giúp cháu phát triển thuận lợi hơn cả về thể chất lẫn tinh thần. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, ……"*. Do đó, cần giao cháu Mai Đức Th cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H được quyền đi lại, thăm nom con chung, chị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc đi lại, thăm nom con chung. Vì quyền và lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[9] Tại phiên tòa, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Th 01 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Anh Mai Xuân H đồng ý với yêu cầu của chị T về việc cấp dưỡng nuôi cháu T 01 (một) triệu đồng/tháng cho đến khi cháu Th 18 tuổi. Do đó, cần chấp nhận.

[10] Chị T và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra để giải quyết.

[11] Về án phí: căn cứ Điều 144, 147; áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Mai Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung.

[12] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐắkMil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Hồ Thị Thanh T và anh Mai Xuân H (chấm dứt hôn nhân).

2. Kể từ ngày 21/9/2017, giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển sổ 02 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 20/8/2015 không còn giá trị pháp lý.

3. Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Đức Th, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2016 cho chị Hồ Thị Thanh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H được quyền đi lại, thăm nom con chung, chị T và thành viên gia đình nhà chị T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến quyền đi lại, thăm nom con chung. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.1. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Mai Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Đức T (sinh ngày 24/10/ 2016) với số tiền 01 triệu đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu T đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

4.1. Thời hạn bắt đầu thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu Mai Đức Th từ ngày 01/10/2017.

5. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định: thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; 116; 118;119 Luật HNGĐ.

6. Về án phí:

6.1. Chị Hồ Thị Thanh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003839, ngày 06/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6.2. Anh Mai Xuân H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện ĐắkMil;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy